

BB.42100 LẮP ĐẶT ỐNG NHỰA PPR BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN, ĐƯỜNG KÍNH
125mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)			
				11,4	17,1	20,8	25,1
BB.4210	Lắp đặt ống nhựa PPR bằng phương pháp hàn, đường kính 125mm	<i>Vật liệu</i>					
		Ống nhựa PPR	m	100,5	100,5	100,5	100,5
		Đầu nối thẳng PPR	cái	16	16	16	16
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	16,54	16,61	16,73	16,80
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	2,267	2,267	2,267	2,267
				1	2	3	4

BB.42110 LẮP ĐẶT ỐNG NHỰA PPR BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN, ĐƯỜNG KÍNH
140mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)			
				12,7	19,2	23,3	28,1
BB.4211	Lắp đặt ống nhựa PPR bằng phương pháp hàn, đường kính 140mm	<i>Vật liệu</i>					
		Ống nhựa PPR	m	100,5	100,5	100,5	100,5
		Đầu nối thẳng PPR	cái	16	16	16	16
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	22,21	22,28	22,40	22,47
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	3,212	3,212	3,212	3,212
				1	2	3	4

BB.42120 LẮP ĐẶT ỐNG NHỰA PPR BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN, ĐƯỜNG KÍNH
160mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)			
				14,6	21,9	26,6	32,1
BB.4212	Lắp đặt ống nhựa PPR bằng phương phán hàn, đường kính 160mm	<i>Vật liệu</i>					
		Ống nhựa PPR	m	100,5	100,5	100,5	100,5
		Đầu nối thẳng PPR	cái	16	16	16	16
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	26,38	26,45	26,57	26,64
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	3,906	3,906	3,906	3,906
				1	2	3	4

BB.42130 LẮP ĐẶT ỐNG NHỰA PPR BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN, ĐƯỜNG KÍNH
200mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)		
				18,2	27,4	33,2
BB.4213	Lắp đặt ống nhựa PPR bằng phương phán hàn, đường kính 200mm	<i>Vật liệu</i>				
		Ống nhựa PPR	m	100,5	100,5	100,5
		Đầu nối thẳng PPR	cái	16	16	16
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	34,73	34,80	34,92
		<i>Máy thi công</i>				
		Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	5,296	5,296	5,296
				1	2	3

BB.43000 LẮP ĐẶT ống NHỰA GÂN XOẮN HDPE

BB.43100 LẮP ĐẶT ống NHỰA GÂN XOẮN HDPE 1 LỚP CÓ ĐẦU NỐI GAI -
ĐOẠN ống DÀI 5 m*Thành phần công việc:*

Vận chuyển rải ống trong phạm vi 30m, đo lấy đầu, lau chùi ống, căn chỉnh ống, nối ống bằng ống nối.

Đơn vị tính: 100 m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)			
				100	150	200	250
BB.431	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 1 lớp có đầu nối gai, đoạn ống dài 5 m	<i>Vật liệu</i>					
		Ống nhựa gân xoắn	m	100,5	100,5	100,5	100,5
		Ống nối	cái	19	19	19	19
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,50	1,63	1,90	2,50
				01	02	03	04

Tiếp theo

Đơn vị tính: 100 m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)				
				300	350	400	500	600
BB.431	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 1 lớp có đầu nối gai, đoạn ống dài 5 m	<i>Vật liệu</i>						
		Ống nhựa gân xoắn	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Ống nối	cái	19	19	19	19	19
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,73	4,35	5,47	7,60	9,80
				05	06	07	08	09

Tiếp theo

Đơn vị tính: 100 m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)		
				700	800	1000
BB.431	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 1 lớp có đầu nối gai, đoạn ống dài 5 m	<i>Vật liệu</i>				
		Ống nhựa gân xoắn	m	100,5	100,5	100,5
		Ống nối	cái	19	19	19
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	12,00	14,44	19,26
				10	11	12

Ghi chú:

Trong trường hợp lắp ống nhựa gân xoắn 2 lớp có đầu nối gai, định mức nhân công được nhân hệ số k = 1,1.

BB.43200 LẮP ĐẶT ỐNG NHỰA GÂN XOẮN HDPE 2 LỚP, NỐI MÀNG KEO - ĐOẠN ỐNG DÀI 5 m

Thành phần công việc:

Vận chuyển rải ống trong phạm vi 30m, đo lấy dấu, căn chỉnh ống, cố định ống, nối ống.
Đơn vị tính: 100 m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)			
				100	150	200	250
BB.432	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp, nối màng keo, đoạn ống dài 5 m	<i>Vật liệu</i>					
		Ống nhựa gân xoắn	m	100,5	100,5	100,5	100,5
		Cùm nhựa nối ống	cái	19	19	19	19
		Màng keo dán ống	m ²	0,75	1,74	2,94	4,65
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,73	1,87	2,19	2,88
				01	02	03	04

Tiếp theo

Đơn vị tính: 100 m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)				
				300	350	400	500	600
BB.432	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp, nối màng keo, đoạn ống dài 5 m	<i>Vật liệu</i>						
		Ống nhựa gân xoắn	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Cùm nhựa nối ống	cái	19	19	19	19	19
		Màng keo dán ống	m ²	6,66	10,14	11,59	17,76	25,65
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	4,29	5,01	6,29	8,74	12,25
				05	06	07	08	09

Tiếp theo

Đơn vị tính: 100 m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)		
				700	800	1000
BB.432	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp, nối màng keo, đoạn ống dài 5 m	<i>Vật liệu</i>				
		Ống nhựa gân xoắn	m	100,5	100,5	100,5
		Cùm nhựa nối ống	cái	19	19	19
		Màng keo dán ống	m ²	34,06	45,49	74,18
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	13,80	15,79	22,15
				10	11	12

BB.44000 LẮP ĐẶT ống NHỰA NHÔM NỐI BẰNG PHƯƠNG PHÁP MĂNG SÔNG

Thành phần công việc:

Vận chuyển ống đến vị trí lắp đặt trong phạm vi 30m, đo lấy dấu, cắt ống, lau chùi ống, căn chỉnh, lắp ống và măng sông theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

BB.44100 LẮP ĐẶT ống NHỰA NHÔM NỐI BẰNG PHƯƠNG PHÁP MĂNG SÔNG - ĐOẠN ống DÀI 100m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)	
				12	16
BB.441	Lắp đặt ống nhựa nhôm nối bằng phương pháp măng sông, đoạn ống dài 100m	<i>Vật liệu</i>			
		Ống nhựa nhôm	m	100,01	100,01
		Măng sông	cái	1	1
		Vật liệu khác	%	0,1	0,1
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	0,61	0,63
				01	02

BB.44200 LẮP ĐẶT ống NHỰA NHÔM NỐI BẰNG PHƯƠNG PHÁP MĂNG SÔNG - ĐOẠN ống DÀI 50m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)	
				20	
BB.442	Lắp đặt ống nhựa nhôm nối bằng phương pháp măng sông, đoạn ống dài 50m	<i>Vật liệu</i>			
		Ống nhựa nhôm	m	100,02	
		Măng sông	cái	2	
		Vật liệu khác	%	0,1	
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	1,3	
				01	

BB.44300 LẮP ĐẶT ỐNG NHỰA NHÔM NỐI BẰNG MĂNG SÔNG - ĐOẠN ỐNG DÀI 6 m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)	
				26	32
BB.443	Lắp đặt ống nhựa nhôm nối bằng măng sông, đoạn ống dài 6 m	<i>Vật liệu</i>			
		Ống nhựa nhôm	m	100,02	100,02
		Măng sông	cái	17	17
		Vật liệu khác	%	0,1	0,1
		<i>Nhân công 4/7</i>	công	10	11
				01	02

BB.45000 LẮP ĐẶT ỐNG NHỰA HDPE

BB.45100 LẮP ĐẶT ỐNG NHỰA HDPE NỐI BẰNG MĂNG SÔNG

Thành phần công việc:

Vận chuyển ống đến vị trí lắp đặt trong phạm vi 30m, đo lấy dấu, cắt ống, lau chùi ống, căn chỉnh, lắp ống theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

BB.45110 LẮP ĐẶT ỐNG NHỰA HDPE NỐI BẰNG MĂNG SÔNG - ĐOẠN ỐNG DÀI 300 m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)		
				16	20	25
BB.4511	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 300 m	<i>Vật liệu</i>				
		Ống nhựa HDPE	m	100,01	100,01	100,01
		Vật liệu khác	%	0,1	0,1	0,1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	1,46	1,54	1,62
				1	2	3

BB.45120 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE NỐI BẰNG MĂNG SÔNG - ĐOẠN ống DÀI 200 m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)
				32
BB.4512	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 200 m	<i>Vật liệu</i>		
		Ống nhựa HDPE	m	100,01
		Vật liệu khác	%	0,1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,42
				1

BB.45130 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE NỐI BẰNG MĂNG SÔNG - ĐOẠN ống DÀI 150m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)
				40
BB.4513	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 150m	<i>Vật liệu</i>		
		Ống nhựa HDPE	m	100,01
		Vật liệu khác	%	0,1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	2,74
				1

BB.45140 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE NỐI BẰNG MĂNG SÔNG - ĐOẠN ống DÀI 100m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)
				50
BB.4514	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 100m	<i>Vật liệu</i>		
		Ống nhựa HDPE	m	100,01
		Vật liệu khác	%	0,1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,06
				1

BB.45150 LẮP ĐẶT ỐNG NHỰA HDPE - ĐOẠN ỐNG DÀI 50m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)	
				63	75
BB.4515	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 50m	<i>Vật liệu</i>			
		Ống nhựa HDPE	m	100,02	100,02
		Vật liệu khác	%	0,1	0,1
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	3,22	3,38
				1	2

BB.45160 LẮP ĐẶT ỐNG NHỰA HDPE NỐI BẰNG MĂNG SÔNG - ĐOẠN ỐNG DÀI 25m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)
				90
BB.4516	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 25m	Vật liệu		
		Ống nhựa HDPE	m	100,02
		Vật liệu khác	%	0,1
		Nhân công 3,5/7	công	3,88
				1

BB.45200 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE NỐI BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN

Thành phần công việc:

Vận chuyển ống đến vị trí lắp đặt trong phạm vi 30m, đo lấy dấu, cắt ống, tẩy vát mép, lau chùi ống, căn chỉnh ống, hàn ống.

BB.45210 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE NỐI BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN - ĐOẠN ống DÀI 300 m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)
				20
BB.4521	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 300 m	<i>Vật liệu</i>		
		Ống nhựa HDPE	m	101
		Vật liệu khác	%	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	4,14
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	0,01
				1

BB.45220 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE NỐI BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN - ĐOẠN ống DÀI 250 m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)
				25
BB.4522	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 250 m	<i>Vật liệu</i>		
		Ống nhựa HDPE	m	101
		Vật liệu khác	%	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	4,50
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	0,012
				1

BB.45230 LẮP ĐẶT ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn - ĐOẠN
ỐNG DÀI 200 m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)
				32
BB.4523	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 200 m	<i>Vật liệu</i>		
		Ống nhựa HDPE	m	101
		Vật liệu khác	%	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	6,24
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	0,013
				1

BB.45240 LẮP ĐẶT ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn - ĐOẠN
ỐNG DÀI 150 m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)
				40
BB.4524	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 150 m	<i>Vật liệu</i>		
		Ống nhựa HDPE	m	101
		Vật liệu khác	%	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	6,96
		<i>Máy thi công</i>		
		Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	0,015
				1

BB.45250 LẮP ĐẶT ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn - ĐOẠN ống DÀI 70 m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)			
				20	25	32	40
BB.4525	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 70 m	<i>Vật liệu</i>					
		Ống nhựa HDPE	m	101	101	101	101
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	5,24	5,70	5,93	6,62
		<i>Máy thi công</i>					
		Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	0,014	0,017	0,018	0,021
				1	2	3	4

BB.45260 LẮP ĐẶT ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn - ĐOẠN ống DÀI 50 m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)	
				50	63
BB.4526	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 50 m	<i>Vật liệu</i>			
		Ống nhựa HDPE	m	101	101
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	5,66	6,30
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	0,02	0,024
				1	2

BB.45270 LẮP ĐẶT ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn - ĐOẠN ống DÀI 40 m

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Đường kính ống (mm)	
				75	90
BB.4527	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 40 m	<i>Vật liệu</i>			
		Ống nhựa HDPE	m	101	101
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	6,71	7,66
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy hàn nhiệt cầm tay	ca	0,026	0,03
				1	2

**BB.46000 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT
ĐOẠN ống DÀI 6m**

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, vận chuyển ống trong phạm vi 30m, đưa máy và ống vào vị trí hàn, căn chỉnh ống trên máy; vệ sinh ống, tạo phẳng mỗi nối bằng bàn nạo, vệ sinh mỗi nối, hàn gia nhiệt (ủ nhiệt, làm nguội), hạ ống theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

**BB.46010 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 110mm**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				4,2	5,3	6,6	8,1	10,0	12,3
BB.4601	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 110mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	8,26	8,92	9,37	10,18	11,13	12,24
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy gia nhiệt D315	ca	0,813	0,872	0,892	0,958	1,031	1,109
				1	2	3	4	5	6

**BB.46020 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 125mm**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				4,8	6,0	7,4	9,2	11,4	14,0
BB.4602	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 125mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	8,37	9,02	9,74	10,59	11,57	12,70
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy gia nhiệt D315	ca	0,829	0,890	0,954	1,024	1,101	1,184
				1	2	3	4	5	6

**BB.46030 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 140mm**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				5,4	6,7	8,3	10,3	12,7	15,7
BB.4603	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 140mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	8,75	9,13	9,86	10,71	11,69	14,75
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy gia nhiệt D315	ca	0,890	0,909	0,974	1,046	1,124	1,507
				1	2	3	4	5	6

**BB.46040 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 160mm**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				6,2	7,7	9,5	11,8	14,6	17,9
BB.4604	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 160mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	8,92	9,58	10,33	11,21	12,24	15,85
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy gia nhiệt D315	ca	0,916	0,980	1,049	1,125	1,209	1,682
				1	2	3	4	5	6

**BB.46050 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 180mm**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				6,9	8,6	10,7	13,3	16,4	20,1
BB.4605	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 180mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	9,08	9,77	10,56	11,76	14,70	17,01
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy gia nhiệt D315	ca	0,941	1,009	1,083	1,206	1,592	1,859
				1	2	3	4	5	6

**BB.46060 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 200mm**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				7,7	9,6	11,9	14,7	18,2	22,4
BB.4606	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 200mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	10,53	11,32	12,22	13,27	16,96	20,05
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy gia nhiệt D315	ca	1,056	1,127	1,204	1,289	1,766	2,127
				1	2	3	4	5	6

**BB.46070 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT
ĐƯỜNG KÍNH 225mm**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				8,6	10,8	13,4	16,6	20,5	25,2
BB.4607	Lắp đặt ống nhựa HDPE đường kính 225mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	10,77	11,61	12,82	15,82	18,48	21,63
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy gia nhiệt D315	ca	1,094	1,170	1,295	1,684	1,999	2,370
				1	2	3	4	5	6

**BB.46080 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT
ĐƯỜNG KÍNH 250mm**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				9,6	11,9	14,8	18,4	22,7	27,9
BB.4608	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 250mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	11,45	12,29	13,28	17,16	19,88	23,39
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy gia nhiệt D315	ca	1,180	1,259	1,348	1,871	2,194	2,617
				1	2	3	4	5	6

**BB.46090 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 280mm**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				10,7	13,4	16,6	20,6	25,4	31,3
BB.4609	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 280mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	11,79	12,97	15,89	18,47	21,53	25,42
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy gia nhiệt D315	ca	1,235	1,364	1,755	2,075	2,451	2,931
				1	2	3	4	5	6

**BB.46100 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 315mm**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				12,1	15,0	18,7	23,2	28,6	35,2
BB.4610	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 315mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	13,27	15,80	18,11	21,19	24,79	29,27
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy gia nhiệt D630	ca	1,375	1,708	1,989	2,371	2,812	3,363
				1	2	3	4	5	6

**BB.46110 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 355mm**

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				13,6	16,9	21,7	26,1	32,2	39,7
BB.4611	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 355mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	14,13	17,12	20,18	23,23	27,24	32,44
		<i>Máy thi công</i>							
		Máy gia nhiệt D630	ca	1,509	1,914	2,300	2,691	3,196	3,857
				1	2	3	4	5	6

BB.46120 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT
ĐƯỜNG KÍNH 400mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				15,3	19,1	23,7	29,4	36,3	44,7
BB.4612	Lắp đặt ống nhựa HDPE đường kính 400mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	13,51	15,70	18,30	21,35	25,14	29,98
		<i>Máy thi công</i>							
		Cần cẩu 6 t	ca	1,88	1,88	1,88	1,88	1,88	1,88
		Máy gia nhiệt D630	ca	1,84	2,17	2,55	3,00	3,56	4,27
				1	2	3	4	5	6

BB.46130 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 450mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				17,2	21,5	26,7	33,1	40,9	50,3
BB.4613	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 450mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	14,71	16,96	19,88	23,52	27,68	32,88
		<i>Máy thi công</i>							
		Cần cẩu 6 t	ca	1,88	1,88	1,88	1,88	1,88	1,88
		Máy gia nhiệt D630	ca	2,04	2,38	2,82	3,36	3,98	4,76
				1	2	3	4	5	6

BB.46140 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 500mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)					
				19,1	23,9	29,7	36,8	45,4	55,8
BB.4614	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 500mm	<i>Vật liệu</i>							
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	16,35	18,95	21,98	26,01	30,83	36,74
		<i>Máy thi công</i>							
		Cần cẩu 6 t	ca	1,88	1,88	1,88	1,88	1,88	1,88
		Máy gia nhiệt D630	ca	2,27	2,66	3,11	3,71	4,43	5,31
				1	2	3	4	5	6

BB.46150 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 560mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)				
				21,4	26,7	33,2	41,2	50,8
BB.4615	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 560mm	<i>Vật liệu</i>						
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	17,73	20,64	24,28	28,68	33,87
		<i>Máy thi công</i>						
		Cần cẩu 6 t	ca	1,88	1,88	1,88	1,88	1,88
		Máy gia nhiệt D630	ca	2,50	2,94	3,49	4,16	4,94
				1	2	3	4	5

BB.46160 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 630mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)				
				24,1	30,0	37,4	46,3	57,2
BB.4616	Lắp đặt ống nhựa HDPE đường kính 630mm	<i>Vật liệu</i>						
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	19,93	23,22	27,26	32,09	38,29
		<i>Máy thi công</i>						
		Cần cẩu 10 t	ca	1,88	1,88	1,88	1,88	1,88
		Máy gia nhiệt D1200	ca	2,82	3,32	3,93	4,66	5,60
				1	2	3	4	5

BB.46170 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 710mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)				
				27,2	33,9	42,1	52,2	64,5
BB.4617	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 710mm	<i>Vật liệu</i>						
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	22,20	25,85	30,26	35,77	42,68
		<i>Máy thi công</i>						
		Cần cẩu 10 t	ca	2,40	2,40	2,40	2,40	2,40
		Máy gia nhiệt D1200	ca	3,20	3,76	4,43	5,27	6,33
				1	2	3	4	5

BB.46180 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 800mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)			
				30,6	38,1	47,4	58,8
BB.4618	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 800mm	<i>Vật liệu</i>					
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	25,07	29,13	34,27	40,54
		<i>Máy thi công</i>					
		Cần cẩu 10 t	ca	2,40	2,40	2,40	2,40
		Máy gia nhiệt D1200	ca	3,63	4,25	5,04	6,00
				1	2	3	4

BB.46190 LẮP ĐẶT ống NHỰA HDPE BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN GIA NHIỆT,
ĐƯỜNG KÍNH 900mm

Đơn vị tính: 100m

Mã hiệu	Công tác lắp đặt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Chiều dày (mm)			
				34,4	42,9	53,3	66,2
BB.4619	Lắp đặt ống nhựa HDPE bằng phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính 900mm	<i>Vật liệu</i>					
		Ống nhựa HDPE	m	100,5	100,5	100,5	100,5
		Vật liệu khác	%	0,01	0,01	0,01	0,01
		<i>Nhân công 3,5/7</i>	công	28,20	32,68	38,51	45,54
		<i>Máy thi công</i>					
		Cần cẩu 10 t	ca	2,40	2,40	2,40	2,40
		Máy gia nhiệt D1200	ca	4,15	4,84	5,75	6,83
				1	2	3	4